

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp vật tư

Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng - TKV (LDA) hiện đang có nhu cầu mua sắm vật tư phục vụ sản xuất cho nhà máy Alumin.

Để có cơ sở lập dự toán đơn hàng mua sắm PT Bơm thuộc nhu cầu mua sắm vật tư cơ điện Quý IV năm 2024, LDA kính mời các nhà cung cấp vật tư tham gia khảo sát và báo giá dự toán vật tư với các yêu cầu cụ thể như sau:

1. Thông tin và yêu cầu về hàng hóa, vật tư:

1. *Chủng loại, danh mục, số lượng vật tư:* Chi tiết theo phụ lục I kèm theo.

- Đối với các mục không chào giá thì số thứ tự Danh mục vật tư trong bảng báo giá giữ nguyên (không được xóa), các thông tin còn lại như: Số lượng; Đơn Giá; Thành tiền ghi là “0” hoặc ghi là “ *Không chào giá*”.

2. *Yêu cầu về quy cách, đặc tính kỹ thuật:*

- Hàng hóa, vật tư cung cấp theo từng chủng loại do nhà cung cấp chào phải đáp ứng các yêu cầu về quy cách, đặc tính kỹ thuật như nêu tại Cột 2 Phụ lục 1 kèm theo.

- Hàng hoá chào giá là hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng.

3. *Yêu cầu về nhà sản xuất (hãng sản xuất), xuất xứ hàng hóa:*

Hàng hóa, vật tư cung cấp phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp.

3.1 Đối với những mục vật tư yêu cầu phải có giấy tờ kèm theo để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ (CO) và giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) khi giao hàng đối với hàng nhập khẩu; giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng đối với hàng sản xuất trong nước hoặc văn bản tương đương. Nhà cung cấp là đơn vị trực tiếp nhập khẩu nguyên lô, theo hợp đồng thì phải giao bản gốc CO, CQ. Trường hợp NCC nhập khẩu lô lớn để phân phối/bán lẻ, hoặc không phải là đơn vị nhập khẩu trực tiếp thì NCC có thể sử dụng bản sao CO, CQ nhà cung cấp ký tên, đóng dấu xác nhận và chịu trách nhiệm trước Pháp Luật về tính trung thực và chính xác của bản sao.

Trường hợp NCC nộp bản CO, CQ điện tử thì không phải Công chứng, nhưng phải đảm bảo tra cứu được thông tin CQ/CQ trên Web.

3.2. Ngoài các mục yêu cầu bắt buộc CO, CQ được ghi tại Cột 7 – phụ lục I thì nhà cung cấp phải cấp giấy chứng nhận xuất xứ (CO) đối với các vật tư, phụ tùng nhập khẩu có đơn giá ≥ 50 triệu (đã bao gồm thuế, phí); giấy chứng nhận chất lượng (CQ) hoặc văn bản tương đương đối với các phụ tùng, vật tư kỹ thuật mua của các nhà sản xuất trong nước có đơn giá > 10 triệu (đã bao gồm thuế, phí).

***Lưu ý:** Các giấy tờ CO,CQ hoặc văn bản tương đương bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch ra tiếng Việt.

4. Thời gian, tiến độ cung cấp:

Thời gian, tiến độ yêu cầu tương ứng đối với từng chủng loại vật tư như nêu tại Cột 5 Phụ lục 1 kèm theo.

Trên cơ sở tiến độ yêu cầu của LDA, nhà cung cấp có thể đề xuất thời gian, tiến độ cung cấp hàng hoá thực tế của mình để LDA xem xét, quyết định.

5. Địa điểm giao nhận: Kho của LDA tại nhà máy alumina, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

6. Các yêu cầu khác:

- Điều kiện thanh toán: LDA sẽ thanh toán 95% trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận đủ bộ hồ sơ theo quy định, khoản tiền giữ lại 5% bảo hành, LDA sẽ thanh toán trong vòng 30 ngày sau khi hết hạn.

- Tạm ứng hợp đồng: LDA không áp dụng điều kiện tạm ứng hợp đồng.

II. Các yêu cầu và chỉ dẫn nộp bảng báo giá:

1. Yêu cầu bảng báo giá:

- Nhà cung cấp tham gia báo giá dự toán chuẩn bị 01 bảng báo giá dự toán (báo giá bản giấy hoặc bản scan màu), điền đầy đủ các thông tin theo mẫu tại Biểu mẫu Phụ lục 2 kèm theo.

- Hiệu lực bảng báo giá tối thiểu 45 ngày kể từ ngày kê từ ngày báo giá.

2. Chỉ dẫn nộp bảng báo giá:

- Địa chỉ nộp, tiếp nhận Bảng báo giá:

+) Tổ tư vấn lựa chọn NCC vật tư - Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng - TKV.

+) Địa chỉ: Đường Phan Đình Phùng, Tổ 15, Thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

+) Điện thoại: 02633.961.682/ Fax: 02633.961.680.

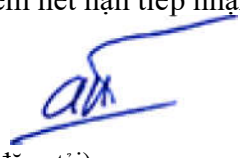
- Ngoài ra nhà cung cấp có thể gửi bảng báo giá (bản scan màu) đồng thời qua địa chỉ email: vattu.nhomlamdong@gmail.com.

- Thời điểm hết hạn tiếp nhận bảng báo giá: 14h00 phút ngày 30 tháng 10 năm 2024.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website công ty (đăng tải);
- Giám đốc công ty;
- Tổ tư vấn LCNCC vật tư;
- Lưu VT, P.VT.



**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đức Thái

Phụ lục 1:

CHI TIẾT THÔNG TIN, YÊU CẦU VỀ HÀNG HÓA

TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư				
			SL	Tiến độ cung cấp	Yêu cầu bảo hành	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	PT bơm 65WQ25-15-2.2, H=15m, 25m ³ /h, 2.2kW, 2980v/p. Hoặc tương đương	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	LR1
2.	PT bơm ly tâm Ebara 3M/I 40-160/4 IE3; nguồn điện 380v/3p/50Hz; Công suất 4kw, cột áp 25.5-40m, lưu lượng 12-42m ³ /h. Hoặc tương đương	Bộ	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	KHT1
3.	PT bơm ly tâm Ebara DWO/I 150 IE3; nguồn điện 380v/3p/50Hz; Công suất 1.15kw, cột áp 5.1-9.8m, lưu lượng 6-33m ³ /h. Hoặc tương đương	Bộ	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	KHT1
4.	Bơm chìm nước thải APP DSK-50T (3.7KW)	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	KHT1
5.	Cánh bơm - Bơm 150ZXV-980-TL-1700, Q=450m ³ /h, H=28m, VL: Cr28	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	KT1
6.	Cánh bơm - Bơm ISW200-400A, Q=210-360m ³ /h, H=42-52.5m, vật liệu 316L	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	KHT1
7.	Chân đế ISW200-400A	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng		KHT1
8.	Chặn nước bơm ISW200-400A	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng		KHT1

TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư				
			SL	Tiến độ cung cấp	Yêu cầu bảo hành	Các yêu cầu khác	Ghi chú
9.	Gioăng cao su làm kín bơm ISW200-400A	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng		KHT1
10.	Mặt bích nối trung gian ISW200-400A, HT200	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	KHT1
11.	Đĩa đệm: CSP150-315, Q=250~360 (m3/h), H=26(m), n=1440(v/p), vật liệu SUS 304; yêu cầu lắp đặt phù hợp với thiết bị LDA	Cái	2	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	HTCD2
12.	Gối bơm ZA150-250, Q=260 (m3/h), H=50(m), NPHS=3(m), n=2980(v/p) (không vòng bi)	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	HTCD1
13.	Gối bơm ZA40-250, Q=25(m3/h), H=80(m), NPSHr<3.0(m), n=2980(v/p), vật liệu HT250 (Bao gồm: nắp gối trước, nắp gối sau, chân đỡ gối bơm)	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	HTCD1
14.	Gối bơm ZA80-200, Q=70m3/h, H=55m, NPSH=2,5m, n=2980v/p, N=22kW (Bao gồm: trục và vòng bi gối bơm)	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	HTCD1
15.	Buồng bơm - Bơm 150ZJA-I-A60, Q=500m3/h, H=150m	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	HTCD1
16.	Mặt gương trước 150ZJA-I-A60, Q=500m3/h, H=150m	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	HTCD1
17.	Nắp lắp bộ làm kín 150ZJA-I-A60, VL: Cr28	Cái	2	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	HTCD2
18.	Cánh bơm 150ZXV-900, Q=400m3/h, H=25m, VL: Cr28	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	KT1

TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư				
			SL	Tiến độ cung cấp	Yêu cầu bảo hành	Các yêu cầu khác	Ghi chú
19.	Mặt sau - Bơm 150ZXV-900, Q=400m ³ /h, H=25m	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	KT1
20.	Nắp chắn mỡ trước và sau- Bơm 6/8LRB(1)60, vật liệu Q235	Bộ	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	LR1
21.	Nắp D239xD150xD125x49	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	HTCD1
22.	Rotor 25A - C14AC31JMA/G	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	LR1
23.	Stator 22A - C14AC31JMA/G	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	LR1
24.	Thanh nối trục 26A- C14AC31JMA/G	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	LR1
25.	Trục lái 32A-C14AC31JMA/G	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	LR1
26.	Vành làm kín 28A- C14AC31JMA/G	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	LR1
27.	Vòng làm kín P402- C14AC31JMA/G	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng	LR1

Ghi chú:

- Nhà cung cấp khảo sát tại trực tiếp tại phân xưởng của LDA, các vật tư/ phụ tùng cung cấp lắp đặt phải tương thích với thiết bị/dây chuyền hiện tại của LDA.

Phụ lục 2: Biểu mẫu báo giá dự toán

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BẢNG BÁO GIÁ DỰ TOÁN

Kính gửi: Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng – TKV

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá dự toán số ____ [Ghi số, ngày của thư mời báo giá]. Chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà cung cấp] trân trọng gửi bảng báo giá dự toán cụ thể như sau:

STT	Chủng loại hàng hóa/vật tư theo yêu cầu của LDA	Chủng loại hàng hóa/thông số nhà cung cấp đề xuất	Nhà sản xuất/ Hãng sản xuất	Xuất xứ	Thời gian, tiến độ cung cấp	Các tài liệu, hồ sơ cam kết kèm theo (thời gian BH)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1											
2											
3											
	Tổng cộng giá chào trước thuế:										
	Thuế GTGT:										
	Tổng cộng giá chào sau thuế:										
	(Bằng chữ:)										

Hiệu lực báo giá:..... ngày.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Cột số (2): Nhà cung cấp điền đúng chủng loại, thông số yêu cầu như cột (2) của phụ lục I.
- Cột số (3): Chỉ điền khi chào chủng loại hàng hóa, vật tư, thông số khác so với nhu cầu của LDA (trường hợp đúng yêu cầu của LDA thì bỏ trống).
- Cột số (4): Ghi rõ nhà sản xuất/ hãng sản xuất; xuất xứ của hàng hóa ghi vào Cột (5).
- Cột số (8) và (9): điền đvt và số lượng theo yêu cầu của LDA, trường hợp hiệu chỉnh lại đơn vị tính và số lượng theo thực tế thị trường thì nhà cung cấp ghi rõ vào phần ghi chú (cột 12).
- Cột số (10) ghi đơn giá, là đơn giá tổng hợp, bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết như giá hàng hóa (giá C&IF đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc giá xuất xưởng đối với hàng hóa sản xuất trong nước), chi phí vận chuyển, chi phí lưu kho, chi phí bốc dỡ hàng, các khoản phí, thuế khác liên quan đến hàng hóa cho đến khi hàng hóa được bàn giao đảm bảo đạt yêu cầu tại kho của LDA.
- Đối với những mục vật tư yêu cầu phải có giấy tờ kèm theo để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ (CO) và giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc Giấy cam kết chất lượng theo yêu cầu của hồ sơ mời chào giá khi giao hàng, thì nhà cung cấp phải ghi vào Cột 7.
- Đối với trường hợp NCC chào chủng loại hàng hóa, quy cách, đặc tính kỹ thuật bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch song ngữ bằng tiếng Việt trong bảng báo giá.